

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

Bản án số: **196/2026/HSST**

Ngày: 23/07/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều và ông Đỗ Xuân Trường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Thư ký
Toà án nhân dân khu vực 8, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, thành phố Hà Nội tham gia
phiên tòa: Ông Lương Duy Bằng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực
8 - Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 153/2026/HSST ngày
04 tháng 06 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
183/2026/QĐXXST-HS ngày 29/6/2026 và Quyết định hoãn phiên Toà số
81/2026/HSST-QĐ ngày 14/07/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Chí C**, sinh năm: 1977; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã
A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Chí L;
Con bà: Nguyễn Thị T; Có vợ là: Nguyễn Thị H; Có 03 con, lớn SN 2008, nhỏ
SN 2025.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6594 lập ngày 20/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an
thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp
dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Vũ Tiến T1**, sinh năm: 1988; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã A,
thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề
nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Vũ Tiến L1; Con bà:
Nguyễn Thị H1; Có vợ là: Bùi Thị T2; Có 01 con SN 2012.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 55/HSST ngày 16/3/2006 Toà án nhân dân tỉnh H (nay là Toà án nhân dân thành phố Hà Nội) và Bản án phúc thẩm số 597/HSPT ngày 20/6/2006 của Toà án nhân dân Tối cao xử phạt Vũ Tiến T1 04 năm tù về tội “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*”. Ngày 28/3/2009 ra trại, ngày 24/8/2006 đã nộp án phí (đã xoá án tích).

Danh chỉ bản số 6587 lập ngày 20/12/2025 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên Toà).

3. Họ và tên: **Nguyễn Chí H2**, sinh năm 1984; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Chí C1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H3; Có vợ là: Nguyễn Thị P; Có 04 con, lớn SN 2008, nhỏ SN 2024.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6581 lập ngày 20/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên Toà).

4. Họ và tên: **Đặng Đạt H4**, sinh năm: 1981; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Đặng Đạt S (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N; Có vợ là Đắc Thị H5; Có 01 con SN 2012.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6576 lập ngày 20/12/2025 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

5. Họ và tên: **Đặng Đạt V**, sinh năm 1971; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông: Đặng Quang P1 (đã

chết); Con bà: Nguyễn Thị T3; Có vợ là: Nguyễn Thị O; Có 02 con, lớn SN 1999, nhỏ SN 2005.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6582 lập ngày 20/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

6. Họ và tên: **Vũ Đắc H6**, sinh năm 1961; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông: Vũ Đắc B (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị C2 (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị V1; Có 03 con, lớn SN 1983, nhỏ SN 1990.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 020 lập ngày 26/12/2025 tại Công an xã A, thành phố Hà Nội.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

7. Họ và tên: **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1977; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Đức C3 (đã chết); Con bà: Ngô Thị C4; Có vợ là Hoàng Thị T4; Có 04 con, lớn SN 2002, nhỏ SN 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6595 lập ngày 20/12/2025 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

8. Họ và tên: **Nguyễn Chí T5**, sinh năm 1963; Nơi ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/10; Con ông: Nguyễn Chí C5 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N1 (đã chết); Có vợ là: Nguyễn Thị L2; Có 03, lớn SN 1990, nhỏ SN 1996.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 022 lập ngày 26/12/2025 tại Công an xã A, thành phố Hà Nội.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Tòa).

9. Họ và tên: **Hồ Hữu T6**, sinh năm 1963; ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/10; Con ông: Hồ Hữu Q (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị L3 (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị H7; Có 04 con, lớn SN 1986, nhỏ SN 1993.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 021 lập ngày 26/12/2025 tại Công an xã A, thành phố Hà Nội.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Tòa).

10. Họ và tên: **Nguyễn Chí T7**, sinh năm 1987; ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Chí T8; Con bà: Đặng Thị Đ; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6580 lập ngày 20/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Tòa).

11. Họ và tên: **Vũ Đắc D1**, sinh năm 1970; ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Vũ Đắc N2; Con bà: Nguyễn Thị M; Có vợ là Nguyễn Thị T8; Có 02 con, lớn SN 1992, nhỏ SN 1994.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 019 lập ngày 26/12/2025 tại PC11A – Công an xã A, thành phố Hà Nội.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Tòa).

12. Họ và tên: **Đặng Quang M1**, sinh năm 1983; ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Đặng Đạt S1 (đã chết); Con bà: Phạm Thị B1; Có vợ là: Sỹ Thị T9; Có 01 con, SN 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6616 lập ngày 20/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

13. Họ và tên: **Nguyễn Chí C6**, sinh năm 1983; ĐKTT và ở: Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Chí T10; Con bà: Đặng Thị Đ1; Có vợ là Nguyễn Thị L4; Có 03 con, lớn SN 2007, nhỏ SN 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 6597 lập ngày 20/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 26/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 35 phút, ngày 18/12/2025, tại nhà Nguyễn Chí C (Sinh năm: 1977) tại Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội, Công an xã A bắt quả tang 12 đối tượng đang tham gia đánh bạc trái phép tại 03 chiếu bạc cụ thể như sau:

Chiếu thứ nhất: gồm Nguyễn Chí T7, Đặng Đạt V, Nguyễn Chí H2, Đặng Quang M1 đang có hành vi Đánh bạc dưới hình thức đánh “Sâm” được thua bằng tiền, Cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.620.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Chiếu thứ hai: gồm Nguyễn Chí C (SN: 1977), Hồ Hữu T6, Nguyễn Đức D, Vũ Đắc D1, Vũ Đắc H6 đang có hành vi Đánh bạc dưới hình thức đánh “Chấn” được thua bằng tiền, Cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền là 6.200.000 đồng (*sáu triệu hai trăm nghìn đồng*).

Chiếu thứ ba: gồm Nguyễn Chí C6 (SN: 1983), Đặng Đạt H4, Nguyễn Chí T5, Vũ Tiến T1 đang có hành vi Đánh bạc dưới hình thức đánh “Chắn” được thua bằng tiền, Cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

**** Thu giữ tại chiếu thứ nhất:***

- Tổng số tiền **6.620.000 đồng**. Trong đó:
 - + Thu của Nguyễn Chí T7 số tiền: 670.000 đồng;
 - + Thu của Đặng Đạt V số tiền: 1.070.000 đồng;
 - + Thu của Nguyễn Chí H2 số tiền: 2.060.000 đồng;
 - + Thu của Đặng Quang M1 số tiền: 2.600.000 đồng
 - + Số tiền: 220.000 đồng là tiền hồ, phé;
- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài.

**** Thu giữ tại chiếu thứ hai:***

- + Tổng số tiền là **6.200.000 đồng**. Trong đó:
 - + Thu giữ của Nguyễn Đức D số tiền: 1.200.000 đồng;
 - + Thu giữ của Vũ Đắc D1 số tiền: 700.000 đồng;
 - + Thu giữ của Vũ Đắc H6 số tiền: 3.000.000 đồng;
 - + Thu giữ của Hồ Hữu T6 số tiền: 1.210.000 đồng;
 - + Thu giữ của Nguyễn Chí C (chủ nhà) số tiền: 90.000 đồng;
- 02 bộ bài chắn, mỗi bộ 100 quân;
- 01 chiếc đĩa sứ.

**** Thu giữ tại chiếu thứ ba:***

- Tổng số tiền **8.800.000 đồng**. Trong đó:
 - + Thu của Vũ Tiến T1 số tiền: 7.000.000 đồng;
 - + Thu của Nguyễn Chí C6 (người chơi) số tiền: 300.000 đồng;
 - + Thu của Nguyễn Chí T5 số tiền: 250.000 đồng;
 - + Thu giữ của Đặng Đạt H4 số tiền: 1.000.000 đồng;
 - + Thu tại mếp chiếu số tiền: 250.000 đồng là tiền hồ, phé;
- 01 bộ bài chắn 100 quân;
- 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng.

Quá trình điều tra làm rõ:

Chiếu thứ nhất: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/12/2025, Đặng Đạt V, Nguyễn Chí H2, Đặng Quang M1 và Nguyễn Chí T7 đi đến nhà Nguyễn Chí C (sinh năm: 1977 – chủ nhà) tại Thôn P, xã A, Hà Nội chơi và ngồi uống nước. Khi

thấy mọi người đến thì C nói “*anh em lên nhà mà ngồi*” thì V, H2, M1 và T7 đều hiểu ý C bảo vào nhà để đánh bạc nên mọi người đi vào phòng khách để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Sâm”. Sau đó, C đưa bộ tứ lơ khơ gồm 52 quân bài cho V, H2, M1, T7 chơi còn C đi ra ngoài sân ngồi uống nước. Các đối tượng quy ước hình thức chơi như sau: mỗi ván bài từng người được chia 10 lá bài. Người nào đánh hết bài trước thì sẽ về nhất, 03 người còn lại thì đếm số lá bài trên tay còn bao nhiêu lá bài sẽ nhân với số tiền 5.000 đồng/01 lá bài để trả cho người về nhất. Các đối tượng khai trước khi tham gia đánh bạc: V dùng, sử dụng khoảng 1.020.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt V thắng số tiền 50.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 1.070.000 đồng của V; H2 dùng, sử dụng khoảng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt H2 thắng số tiền 60.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 2.060.000 đồng của H; M1 dùng, sử dụng khoảng 2.300.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt M1 thắng số tiền 300.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 2.600.000 đồng của M1; T7 dùng, sử dụng khoảng 1.300.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt T7 thua số tiền 630.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 670.000 đồng của T7. Tổng số tiền các đối tượng dùng, sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án là **6.620.000 đồng**.

Chiều thứ hai: Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Hồ Hữu T6, Vũ Đắc D1, Nguyễn Đức D, Vũ Đắc H6 đến nhà C (chủ nhà) thì C bảo “*chú vào nhà cháu đánh chẵn cho vui*”, mọi người đều hiểu ý C bảo mọi người vào trong nhà đánh bạc nên mọi người đồng ý. Tại đây, C lấy ra 02 bộ bài chẵn mỗi bộ 100 cây và 01 chiếc đĩa sứ để cho D1, T6, D, H6 đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “chẵn”. Khi D1, T6, D, H6 người ngồi đánh chẵn thì C (chủ nhà) ngồi chia bài. Các đối tượng quy ước cách thức đánh bạc như sau: với mỗi ván bài nếu ai ù xương được 30.000 đồng, ù tôm được 50.000 đồng, ù lèo được 60.000 đồng, ù bạch định được 70.000 đồng, ù tám đỏ được 80.000 đồng, mỗi khi ai ù “bạch định” hoặc “tám đỏ” thì sẽ phải cắt phé cho C (chủ nhà) số tiền 10.000 đồng. Các đối tượng khai trước khi tham gia đánh bạc: H6 dùng, sử dụng khoảng 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt H6 đang hoà (không thắng không thua), khi bắt thu giữ số tiền 3.000.000 đồng của H6; D1 dùng, sử dụng khoảng 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt D1 thua số tiền khoảng 300.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 700.000 đồng của D1; T6 dùng, sử dụng khoảng 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt T6 thua số tiền 90.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền

1.210.000 đồng của T6; D dùng, sử dụng khoảng 900.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt D thắng số tiền 300.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 1.200.000 đồng của D. Tổng số tiền các đối tượng dùng, sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án là **6.200.000 đồng**.

Chiếu thứ ba: Nguyễn Chí C6 (sinh năm: 1983), Nguyễn Chí T5, Đặng Đạt H4 và Vũ Tiến T1 ngồi uống nước và xem đá bóng ở khu bếp nhà nhà Nguyễn Chí C (chủ nhà) đến khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày thì H4, C6 (người chơi), T1 và T5 thấy bộ chắn 100 quân bài để trên chiếc đĩa sứ màu trắng nên mọi người rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “chắn” tại bếp của nhà C. Các đối tượng quy ước hình thức đánh bạc như sau: đánh chắn quăng, nếu ai ù thì 03 người còn lại sẽ phải trả tiền cho người ù quy định như sau: ù dịch là 20.000 đồng, ù xuyên là 40.000 đồng, ù thông là 60.000 đồng, ù tôm là 80.000 đồng, ù lèo là 100.000 đồng, ù bạch định là 120.000 đồng, ù tám đỏ là 140.000 đồng, riêng ai ù tám đỏ sẽ phải trích 20.000 đồng để vào mép chiếu cho C (chủ nhà). Các đối tượng khai trước khi tham gia đánh bạc: C6 (người chơi) dùng, sử dụng khoảng 3.600.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt C6 đang thua 3.300.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 300.000 của C6; T1 dùng, sử dụng khoảng 2.300.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt T1 thắng số tiền 4.700.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 7.000.000 đồng của T1; H4 dùng, sử dụng khoảng 2.200.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt H4 thua số tiền 1.200.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 1.000.000 đồng của H4; T5 dùng, sử dụng khoảng 700.000 đồng, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt T5 thua số tiền khoảng 450.000 đồng, khi bắt thu giữ số tiền 250.000 đồng của T5. Tổng số tiền các đối tượng dùng, sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án là **8.800.000 đồng**.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc thì tổ công tác Công an xã A bắt quả tang đưa các đối tượng cùng vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSKV8 ngày 23 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Chí C (sinh năm 1977 – chủ nhà) về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025; truy tố các bị cáo Nguyễn Chí H2, Đặng Đạt H4, Đặng Đạt V, Vũ Đắc H6, Nguyễn Đức D, Vũ Tiến T1, Nguyễn Chí T5, Hồ Hữu T6, Vũ Đắc D1, Nguyễn Chí T7, Đặng Quang M1 và Nguyễn Chí C6 (Sinh năm 1983) về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C (sinh năm 1977) mức án từ 18-24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 36-48 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Tiến T1 mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Chí H2, Đặng Đạt H4, Đặng Đạt V, Vũ Đắc H6, Nguyễn Đức D, Nguyễn Chí T5, Hồ Hữu T6, Vũ Đắc D1, Nguyễn Chí T7, Đặng Quang M1, Nguyễn Chí C6 (sinh năm 1983) mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 đến 24 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về dân sự: Không;

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 bộ tú lơ khơ, 03 bộ chắn, 02 đĩa sù; tịch thu sung quỹ toàn bộ số tiền thu giữ của các bị cáo là 21.620.000 đồng.

+ Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 35 phút ngày 18/12/2025, Nguyễn Chí C (sinh năm 1977 – chủ nhà) đã có hành vi tổ chức đánh bạc trái phép bằng việc chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ, 03 bộ bài chắn 120 quân, 02 đĩa sứ để cho 12 đối tượng đánh bạc (03 chiếu bạc) trái phép tại nhà mình tại Thôn P, xã A, thành phố Hà Nội thì bị tổ công tác Công an xã A bắt quả tang cùng vật chứng. Cụ thể như sau:

Chiếu thứ nhất: Đặng Đạt V, Nguyễn Chí H2, Đặng Quang M1 và Nguyễn Chí T7 đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Sâm” với tổng số tiền đánh bạc là: **6.620.000 đồng**.

Chiếu thứ hai: Hồ Hữu T6, Vũ Đắc D1, Nguyễn Đức D, Vũ Đắc H6 đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “chắn” với tổng số tiền đánh bạc là: **6.200.000 đồng**.

Chiếu thứ ba: Nguyễn Chí C6 (sinh năm 1983), Nguyễn Chí T5, Đặng Đạt H4 và Vũ Tiến T1 đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “chắn” với tổng số tiền đánh bạc là: **8.800.000 đồng**.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Chí C đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Chí H2, Đặng Đạt H4, Đặng Đạt V, Vũ Đắc H6, Nguyễn Đức D, Vũ Tiến T1, Nguyễn Chí T5, Hồ Hữu T6, Vũ Đắc D1, Nguyễn Chí T7, Đặng Quang M1 và Nguyễn Chí C6 (sinh năm 1983) đủ yếu tố cấu thành tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, xâm hại tới đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống các tệ nạn xã hội mà còn là nguyên nhân của các tội phạm khác, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình và bản thân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Nguyễn Chí C (sinh năm 1977): Tại cơ quan điều tra và tại phiên Toà bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, lần đầu bị đưa ra xét xử nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Vũ Tiến T1: Tại cơ quan điều tra và tại phiên Toà bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính của gia đình có xác nhận của trưởng thôn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo Nguyễn Chí H2, Đặng Đạt H4, Đặng Đạt V, Vũ Đắc H6, Nguyễn Đức D, Nguyễn Chí T5, Hồ Hữu T6, Nguyễn Chí T7, Vũ Đắc D1, Đặng Quang M1, Nguyễn Chí C6 (sinh năm 1983): Tại cơ quan điều tra và tại phiên Toà các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá vai trò của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Chí C (sinh năm 1977) là chủ nhà, tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà để thu tiền hồ, các bị cáo khác cùng nhau tham gia trực tiếp đánh bạc. Bị cáo Vũ Tiến T1 là người có nhân thân xấu nay tiếp tục phạm tội mới nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên Toà các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ như đã viện dẫn ở trên. Do đó, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu trắng; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân có gáy màu trắng; 01 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu xanh và 02 đĩa sù

hình tròn là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với số tiền 21.620.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về dân sự: Không

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí C (sinh năm 1977) phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; Các bị cáo Nguyễn Chí H2, Đặng Đạt H4, Đặng Đạt V, Vũ Đắc H6, Nguyễn Đức D, Vũ Tiến T1, Nguyễn Chí T5, Hồ Hữu T6, Vũ Đắc D1, Nguyễn Chí T7, Đặng Quang M1, Nguyễn Chí C6 (sinh năm 1983) phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí C (sinh năm 1977) 18 (mười tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Vũ Tiến T1 12 (mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí H2 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Đạt H4 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Đạt V 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Vũ Đắc H6 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức D 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí T5 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Hồ Hữu T6 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Vũ Đắc D1 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí T7 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Quang M1 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí C6 (sinh năm 1983) 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao cáo bị cáo Nguyễn Chí C (sinh năm 1977), Vũ Tiên T1, Nguyễn Chí H2, Đặng Đạt H4, Đặng Đạt V, Vũ Đắc H6, Nguyễn Đức D, Nguyễn Chí T5, Hồ Hữu T6, Vũ Đắc D1, Nguyễn Chí T7, Đặng Quang M1, Nguyễn Chí C6 (sinh năm 1983) cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách của Bản án. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu trắng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân có gáy màu trắng; 01 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu xanh; 02 đĩa sứ hình tròn

(Vật chứng hiện lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hà Nội theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/6/2026).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 21.620.000 đồng (*Hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*)

(Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước khu vực I – Phòng giao dịch số 10-0017 theo uỷ nhiệm chi vào tài khoản số 3949.0.1054168 ngày 08 tháng 06 năm 2026).

3. Về dân sự: Không

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo mỗi người phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND Khu vực 8;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu HS – VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND Khu vực 8;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu HS – VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA